

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định chính sách hỗ trợ đối tượng
thuộc hộ gia đình không khả năng thoát nghèo
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc quy định chính sách hỗ trợ đối tượng thuộc hộ gia đình không khả năng thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 153/TTr-SLĐTBXH ngày 22 tháng 01 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chính sách hỗ trợ đối tượng thuộc hộ gia đình không khả năng thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chính sách này áp dụng cho các đối tượng thuộc hộ gia đình không khả năng thoát nghèo thuộc diện hộ nghèo theo chuẩn Trung ương qua kết quả rà soát hộ nghèo hàng năm của tỉnh, bao gồm:

1. Đối với đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội, gồm:

a) Người khuyết tật nặng; đặc biệt nặng;

b) Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng;

c) Trẻ em bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo; người bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo không còn khả năng lao động mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng, trợ cấp hàng tháng khác.

2. Đối với đối tượng không thuộc diện bảo trợ xã hội, gồm:

a) Người trên 60 tuổi đến dưới 80 tuổi bị bệnh tuổi già không thể lao động;

b) Người bị bệnh mất sức lao động phải điều trị trong thời gian dài thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày kèm theo Thông tư số 46/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Y tế ban hành danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày; bệnh hiểm nghèo thuộc danh mục bệnh hiểm nghèo theo quy định tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

c) Người trong độ tuổi lao động nhưng bị khuyết tật trí tuệ, khuyết tật thân kinh, tâm thần dạng nhẹ, khuyết tật nghe, nhìn dạng nhẹ nhưng không thể lao động.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ đối tượng thuộc hộ gia đình không khả năng thoát nghèo.

1. Hỗ trợ hàng tháng cho các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo như sau:

a) Đối với đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội ngoài kinh phí ngân sách Trung ương đã hỗ trợ, kinh phí ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh) hỗ trợ thêm để các đối tượng này được hưởng bằng mức: 1.310.000 đồng/người/tháng khu vực thành thị và 1.010.000 đồng/người/tháng khu vực nông thôn;

b) Đối với đối tượng không thuộc diện bảo trợ xã hội ngân sách tỉnh hỗ trợ để các đối tượng này được hưởng bằng mức: 1.310.000 đồng/người/tháng khu vực thành thị và 1.010.000 đồng/người/tháng khu vực nông thôn.

2. Khi mức chuẩn nghèo của Trung ương hoặc mức trợ cấp xã hội hàng tháng thay đổi thì mức hỗ trợ sẽ thay đổi tương ứng, đảm bảo mức hỗ trợ để các đối tượng thuộc các hộ này có mức sống cao hơn mức sống hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn Trung ương thành hộ có mức sống trung bình.

Điều 4. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí hỗ trợ được thực hiện từ nguồn ngân sách tỉnh.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

a) Tổ chức triển khai, phổ biến chính sách đến các cấp, các ngành, các địa phương;

b) Hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện chính sách đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo người dân được thụ hưởng chính sách đầy đủ, kịp thời;

c) Phối hợp với Sở Tài chính xây dựng Kế hoạch kinh phí hỗ trợ cho các địa phương thực hiện chính sách hỗ trợ cho các đối tượng kịp thời;

d) Hàng năm, sau khi có kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, tham mưu UBND tỉnh tổ chức kiểm tra, phúc tra kết quả; kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh;

e) Tham mưu UBND tỉnh xử lý nghiêm các địa phương xác định sai đối tượng nhằm tạo điều kiện cho các đối tượng này trực lợi chính sách.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện chính sách theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Chỉ đạo các phòng, ban liên quan và UBND xã, phường, thị trấn điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ gia đình không khả năng thoát nghèo đúng quy định. Lập danh sách hộ nghèo, hộ gia đình không khả năng thoát nghèo và niêm yết công khai (trong 07 ngày làm việc) để người dân, các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương tham gia giám sát;

b) Định kỳ hàng quý tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ đối tượng thuộc hộ gia đình không khả năng thoát nghèo trên địa bàn; kịp thời xử lý các trường hợp sai phạm trên địa bàn;

c) Triển khai thực hiện chính sách đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo người dân được thụ hưởng chính sách đầy đủ, kịp thời.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10. tháng 05. năm 2020.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Như Điều 7;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng ĐDBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND-UBND cấp huyện;
- Lưu: VT, VP.ĐDBQH, HĐND và UBND tỉnh.

Tuần

10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc